

Bản án số: 395/2020/DS-ST  
Ngày: 24/12/2020  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều
2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thủy Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Ngọc Phụng – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2020/TLST - DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2020/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Chị T, sinh năm 1976

Anh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, Tiền Giang

Bà T, chị T có mặt, anh T vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T trình bày:*

Từ năm 2018 đến năm 2019 bà có bán thức ăn chăn nuôi gà cho chị T và anh T. Hình thức mua bán là anh T và chị T mua thức ăn và ghi sổ nợ, sau mỗi đợt bán gà thì anh T và chị T sẽ trả tiền thức ăn lại cho bà. Hai bên có lập sổ để theo dõi. Tuy nhiên mỗi đợt bán gà xong thì anh T và chị T không trả đủ tiền thức ăn cho bà. Ngày 04/11/2019, bà với anh T và chị T chốt nợ thì anh T và chị T còn nợ bà số tiền là 81.000.000 đồng, sau đó ngày 20/10/2020 thì anh T và chị T có trả cho bà được 6.000.000 đồng còn nợ lại 75.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh T và chị T không trả tiền nợ cho bà.

Nay bà yêu cầu anh T và chị T trả nợ với số tiền vốn là 75.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 04/11/2019.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị T trình bày:*

Chị thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi của bà T để chăn nuôi gà. Hình thức mua bán là mua thức ăn và ghi sổ nợ, sau mỗi đợt bán gà thì chị sẽ trả tiền thức ăn lại cho bà T. Hai bên có lập sổ để theo dõi. Tuy nhiên do gà bị chết nhiều nên chị bán gà không đủ trả tiền thức ăn cho bà T. Ngày 04/11/2019, bà T với chị T chốt nợ thì chị còn nợ bà số tiền là 81.000.000 đồng, sau đó ngày 20/10/2020 thì chị có trả cho bà được 6.000.000 đồng còn nợ lại 75.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì chị đồng ý trả cho bà T số tiền 75.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh T không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc bà T khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà T yêu cầu anh T và chị T trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà T khởi kiện yêu cầu anh T và chị T trả tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi với số tiền là 75.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là Sổ ghi mua bán thức ăn do bà T cung cấp có chị T ký tên xác

nhận nợ và tại phiên tòa, chị T cũng thừa nhận có mua thức ăn và nợ bà T số tiền như trên. Có đủ cơ sở xác định giữa bà T với chị T đã xác lập hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự thì: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”*. Xét thấy chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc chị T trả cho bà T số tiền 75.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi: Bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 04/11/2019 đến thời điểm xét xử là 13 tháng với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ vốn. Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự thì: *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”*

Do đó, bà T yêu cầu chị T trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440, Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau:

81.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng = 7.395.300 đồng

75.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng = 1.245.000 đồng

Tổng cộng tiền lãi là 8.640.000 đồng.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới: Chị T và anh T là vợ chồng, việc chăn nuôi gà của chị T anh T biết và thu nhập từ việc chăn nuôi của chị T cũng dùng chung và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình anh T và chị T. Do đó, anh T phải chịu trách nhiệm liên đới cùng chị T trả cho bà T số tiền nợ là 75.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại các Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Tại phiên tòa, bà T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.000.000 đồng mà chị T đã trả. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc chị T và anh T liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 8.640.000 đồng (Tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị T và anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc 6.000.000 đồng.

**3.** Về án phí:

Chị T và anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.182.000 đồng

Bà T được miễn tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

**4.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**